

Bản án số: 43/2021/HSST
Ngày: 09-4-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Ông Nguyễn Duy Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40 /2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị L, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Lại Thị M (đã chết); có chồng Đặng Quang Ch (đã chết) và 02 con, con lớn (đã chết), con nhỏ sinh năm 1985; nhân thân ngày 21/3/1983 bị Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/1983 (Tòa án nhân dân huyện Đ1; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ1 không còn lưu trữ tài liệu liên quan đến việc thi hành khoản tiền án phí của bị cáo); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/01/2021, đến ngày 05/01/2021 được thay thế từ biện pháp “Tạm giữ” sang “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

Bị hại: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Trú tại: số 47, ngõ 168 K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Trú tại: thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Nguyễn Danh H, sinh năm 1952 (vắng mặt).

3.Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1971 (vắng mặt).
Đều trú tại: thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02-01-2021, Lê Thị L một mình điều khiển xe đạp đi từ nhà đến chợ Đ thuộc thôn H, xã Đ, huyện H, mục đích xem có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Khi đi L mang theo 01 chiếc làn bằng nhựa (màu đỏ, xanh, vàng), khi đến chợ L xách chiếc làn trên đi xung quanh chợ để quan sát. Khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, L đi đến sạp hàng bán rau, củ, quả của chị Đinh Thị Th phát hiện thấy chị Nguyễn Thùy L đang ngồi trước sạp rau. Nhìn thấy tại túi áo khoác bên trái chị L đang mặc có 01 chiếc điện thoại di động, L đến ngồi xuống cạnh, áp sát vào người chị L, dùng tay phải rút chiếc điện thoại từ túi áo khoác của chị L định bỏ vào làn thì bị anh Nguyễn Đình Th và ông Nguyễn Danh H (là trưởng ban quản lý chợ Đ) phát hiện bắt quả tang. Sau đó ông Hải đã trình báo Công an xã Đ, huyện H; Công an xã Đ đã đưa L cùng tang vật về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và báo cáo Công an huyện H giải quyết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 04-01-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: “01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đỏ đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 4.000.000 đồng; 01sim Viettel số 0342.157.828 tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 50.000 đồng; 01 chiếc ốp điện thoại viền màu trắng, thân ốp trong suốt đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị xâm hại tại thời điểm định giá có giá trị thành tiền là 4.060.000 đồng.”

Bản cáo trạng số 44/CT- VKSHH ngày 19-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo L như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thùy L đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo L bồi thường khoản tiền nào khác.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu thiêu hủy 01 chiếc làn nhựa màu xanh - đỏ - vàng đã qua sử dụng. Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo L không tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, những người làm chứng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục từ số 20 đến số 23); Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (Bút lục số 56, bút lục từ số 58 đến số 61); Bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 04/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H (Bút lục số 29); Lời khai của bị hại chị Nguyễn Thùy L (Bút lục từ số 81 đến số 84); Lời khai người làm chứng anh Nguyễn Đình Th, ông Nguyễn Danh H và chị Đình Thị Th (Bút lục từ số 68 đến số 80). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 02/01/2021, tại chợ Đ thuộc địa phận thôn H, xã Đ, huyện H, Lê Thị L đã có hành vi lợi dụng sơ hở trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đỏ; 01sim Viettel số 0342.157.828 và 01 chiếc ốp điện thoại viền màu trắng, thân ốp trong suốt, đều đã qua sử dụng với tổng giá trị là 4.060.000 đồng của chị Nguyễn Thùy L. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”

được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi địa phương xảy ra tội phạm. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, vì lòng tham bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ các nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thùy L đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo L bồi thường khoản tiền nào khác, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc làn nhựa màu xanh - đỏ - vàng đã qua sử dụng của bị cáo L không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo L phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L **01 (một)** năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo có tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc làn nhựa màu xanh - đỏ - vàng đã qua sử dụng(vật chứng trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo L phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Linh vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn

